TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7-BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ- ST
Ngày: 28/7/2025
V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7- BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Ngô Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nghiêm Đình Chế .

Ông Nguyễn Thế Long.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thu Huyền, thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7- Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Lê- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7- Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2025/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp Hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐST- HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2027 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Anh Dương Văn B, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã V, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Dương Văn B kết hôn ngày 29/01/2010. Trước khi kết hôn chị và anh B có được tìm hiểu nhau và việc kết hôn là tự nguyện. Khi kết hôn chị và anh B có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh (nay là Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh

Bắc Ninh). Sau khi kết hôn vợ chồng chị về sống chung cùng gia đình nhà chồng tại thôn A, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh. Cuộc sống vợ chồng chị hạnh phúc đến năm 2024 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng chị sống với nhau rất nhiều năm nhưng không có con mặc dù vợ chồng chị đã chạy chữa rất nhiều nơi. Cuộc sống vợ chồng chị cũng xảy ra cãi vã do lấy nhau nhưng không có con. Chị và anh B đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2024 đến nay. Từ khi chị và anh B sống ly thân đến nay chị và anh B không ai quan tâm đến ai và cũng không còn quan hệ tình cảm gì. Nay chị xác định chị và anh B không thể sống chung với nhau được nữa do mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh B được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh B không có con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Chị xác nhận vợ chồng không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã giao Thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng của Tòa án theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh Dương Văn B không đến Tòa án làm việc và không khai báo. Do vậy, Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh B theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay**:** Chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến khi nghị án là đảm bảo đúng theo trình tự thủ tục tố tụng; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70; 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 28; 35; 39; Điều 58; Điều 165; Điều 195; Điều 232 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51; 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T, cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Dương Văn B.

- Về con chung: Không xem xét giải quyết do chị T và anh B không có con.

- Về tài sản chung và công nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án xem xét nên không giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Sau khi nghe ý kiến đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*:

-Về thẩm quyền: Do bị đơn là anh Dương Văn B hiện nay cư trú tại thôn A, xã V, tỉnh Bắc Ninh nên Tòa án nhân dân huyện Yên Phong (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7- Bắc Ninh) thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

- Về sự vắng mặt của bị đơn là anh Dương Văn B: Tòa án đã tiến hành đến nhà anh B lấy lời khai xong anh B từ chối khai. Tòa án cũng đã giao các văn bản tố tụng cho anh B xong anh B từ chối nhận các văn bản tố tụng mặc dù đã được Tòa án giải thích. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh B theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

- Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T kết hôn với anh Dương Văn B ngày 29/01/2010. Trước khi kết hôn chị T và anh B có được tìm hiểu nhau và việc kết hôn là tự nguyện. Chị T và anh B có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh (nay là Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Bắc Ninh). Xét thấy đây là hôn nhân hợp pháp vì tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về kết hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T với anh Dương Văn B, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh B là có thật và nguyên nhân theo như chị T trình bày là do vợ chồng chị lấy nhau đã hơn 10 năm cũng đã chữa trị rất nhiều nơi nhưng không thể có con. Từ tháng 6 năm 2024, chị T và anh B đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai nữa. Bản thân anh B cũng không có biện pháp gì hàn gắn mặc dù Tòa án đã báo anh B lên để làm việc. Tòa án đi xác minh tại địa phương nơi anh B cư trú thì thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh B và chị T là do lấy nhau lâu không có con. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị T được ly hôn với anh B.

- Về con chung: Chị T và anh B không có con chung nên Tòa án không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ: Chị T xác nhận vợ chồng không có.

- Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39; 146, 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 54, 56Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Dương Văn B.

2. Về con chung: Không có nên không đề cập giải quyết.

3. Về tài sản chung và công nợ: Không có.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000946 ngày 19/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

5. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 7;
- UBND xã Văn Môn;
-THADS tỉnh Bắc Ninh (P.THADS KH 7);
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Thu Hiền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nghiêm Đình Chế Nguyễn Thế Long **Ngô Thị Thu Hiền**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 7;
- UBND xã Văn Môn;
-THADS tỉnh Bắc Ninh (P.THADS KH 7);
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Thu Hiền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Lê Bá Thành Vũ Thị Lan A

THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Minh T1